TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Dũng

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Lương Thị Tuyết M, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số nhà 1011D, ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

**** Bị đơn:*** Anh Lê Quốc D, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Số nhà 932, ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lương Thị Tuyết M trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Tuyết M và anh Lê Quốc D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2010, sau khi mang thai khoảng 04 tháng thì chị M và anh D mới tổ chức lễ cưới, nhưng đến ngày 08/11/2011 chị M và anh D mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2011. Hôn nhân của

chị M và anh D là tự nguyện. Vợ chồng chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, đá gà, nhậu nhẹt nên vợ chồng chị M cãi vã lẫn nhau. Chị M đã cố gắng bỏ qua cho anh D và cho anh D nhiều cơ hội để anh D sống có trách nhiệm với gia đình nhưng chỉ được một thời gian thì anh D vẫn chứng nào tật nấy nên chị M đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2014 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị M và anh D không gặp nhau để hòa giải, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Lê Quốc D.

- Về con chung: Chị M và anh D có 01 con chung tên Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 13/8/2011. Từ khi chị M và anh D sống ly thân cháu Đ do chị M nuôi dưỡng, anh D cũng không phụ tiền để chị nuôi cháu Đ nên chị M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị M đang sống cùng với bố mẹ ruột tại ấp 4, xã Bi và làm nghề buôn bán tự do thu nhập hàng tháng là khoảng hơn 5.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Lê Quốc D* đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo thủ tục để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, anh D không có lời khai.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Tuyết M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị Tuyết M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "Ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung" với anh Lê Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: số nhà 932, ấp 4, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan

hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng để bị đơn anh Lê Quốc D tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh D đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Tuyết M và anh Lê Quốc D chung sống với nhau từ năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 96, quyển số 01/2011 ngày 08/11/2011; căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân giữa chị M và anh D được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Tuyết M là có cơ sở chấp nhận bởi vì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng chị M và anh D đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D sống không có trách nhiệm với gia đình, hay cờ bạc, đá gà, nhậu nhẹt nên vợ chồng chị M thường xuyên cãi vã nhau. Từ tháng 5/2014 cho đến nay chị M và anh D đã sống ly thân, trong thời gian này chị M, anh D cũng không có sự quan tâm lẫn nhau dẫn đến không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để chị M, anh D đoàn tụ nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải nhằm khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng của chị M, anh D. Trên cơ sở trình bày của chị M tại Tòa và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị M có nhiều mâu thuẫn, anh D thường xuyên nhậu nhẹt, đá gà dẫn đến vợ chồng chị M cãi vã lẫn nhau. Chị M đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2014 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M, anh D có 01 con chung tên Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 13/8/2011. Tại phiên tòa hôm nay chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Đ hiện nay đang ở với chị M và theo nguyện vọng của cháu Đ được ở với chị M. Chị M hiện làm nghề buôn bán tự do có thu nhập và nơi cư trú ổn định. Do vậy, cần giao cháu Đ cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Lương Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Tuyết M về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Quốc D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Thị Trúc Đ, sinh ngày 13/8/2011 cho chị Lương Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Lê Quốc D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004676 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Đồng Nai. Chị Lương Thị Tuyết M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện V;
- THA huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã B,
H. V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lâm